

**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRƯỜNG DƯƠNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRƯỜNG DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG DUONG ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108063774

**3. Ngày thành lập:** 17/11/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Đội 11 thôn Phú Ổ, Xã Bình Phú, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977173078

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                                                    | 6820        |
| 2.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn kế toán, tài chính, pháp lý)                                                                                                                                                                              | 6619        |
| 3.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7110        |
| 4.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7120        |
| 5.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn về môi trường; Tư vấn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, tư vấn hoạt động quan trắc môi trường; Tư vấn lập đề án/báo cáo xả thải vào nguồn nước; Tư vấn lập hồ sơ khai thác nước. | 7490(Chính) |
| 6.  | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8121        |
| 7.  | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8129        |
| 8.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8130        |
| 9.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4100        |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4321        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322        |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn đồ dùng gia dụng cụ y tế; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                          | 4649        |
| 14. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4290        |
| 15. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4311        |
| 16. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3900        |
| 17. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                | 4669        |
| 18. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3700        |
| 19. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4690        |
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                              | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | DƯƠNG THỊ THU TRÀ | Đội 11 thôn Phú Ổ, Xã Bình Phú, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | 800.000.000           | 40,000    | 001192006333                                                                                                                                      |         |
| 2   | TRƯỜNG ĐÌNH LUÂN  | Đội 11 thôn Phú Ổ, Xã Bình Phú, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | 1.200.000.000         | 60,000    | 111729681                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRƯỜNG ĐÌNH LUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/03/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111729681

Ngày cấp: 11/03/2009 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 11 thôn Phú Ổ, Xã Bình Phú, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Đội 11 thôn Phú Ổ, Xã Bình Phú, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội